BỘ TÀI CHÍNH - BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

BỘ TÀI CHÍNH - BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 112/2010/TTLT-BTC-BLĐTBXH

Hà Nội, ngày 30 tháng 7 năm 2010

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

Hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Đề án "Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020" ban hành theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 135/2009/QĐ-TTg ngày 04/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý, điều hành thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Thực hiện Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020;

Liên Bộ Tài chính và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Đề án "Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020" như sau:

Điều 1. Đối tượng và phạm vi áp dụng

Đối tượng và phạm vi áp dụng của Thông tư là các cơ quan, đơn vị, cá nhân có sử dụng nguồn vốn sự nghiệp từ ngân sách Nhà nước để thực hiện các chính sách, hoạt động dạy nghề cho lao động nông thôn theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020 (sau đây gọi tắt là Đề án).

Trường hợp Đề án sử dụng nguồn vốn đầu tư phát triển, vốn viện trợ không hoàn lại thì thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước và của nhà tài trợ.

Đối với hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức xã thực hiện theo quy định hiện hành về đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức Nhà nước.

Điều 2. Nguồn kinh phí thực hiện Đề án

1. Ngân sách trung ương

- Bảo đảm kinh phí thực hiện các chính sách, giải pháp, hoạt động của Đề án; chính sách hỗ trợ lao động nông thôn học nghề đối với các địa phương chưa tự cân đối được ngân sách.

- Riêng năm 2010: kinh phí thực hiện Đề án được bố trí từ Dự án "Tăng cường năng lực dạy nghề" thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giáo dục - đào tạo đến năm 2010 và nguồn kinh phí bổ sung theo Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 10/4/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung dự toán ngân sách nhà nước cho các Bộ, cơ quan Trung ương và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là UBND cấp tỉnh).

- Giai đoạn 2011 - 2020: kinh phí thực hiện Đề án được bố trí riêng trong Chương trình mục tiêu quốc gia giáo dục và đào tạo giai đoạn 2011 - 2015 và 2016 - 2020.

2. Ngân sách địa phương

- Các địa phương tự cân đối được ngân sách phải bảo đảm kinh phí để thực hiện chính sách hỗ trợ lao động nông thôn học nghề quy định tại điểm 1, mục III, Điều 1 Quyết định số 1956/QĐ-TTg.

- Ngoài nguồn hỗ trợ của ngân sách Trung ương, các địa phương chủ động bố trí ngân sách địa phương để bảo đảm triển khai có hiệu quả các hoạt động của Đề án. UBND cấp tỉnh có trách nhiệm cân đối nguồn kinh phí thực hiện Đề án với các nguồn kinh phí đào tạo nghề thường xuyên, các chương trình, dự án khác trên địa bàn để tổ chức đào tạo nghề cho lao động nông thôn; tăng cường phân cấp cho các huyện triển khai thực hiện Đề án.

3. Các Bộ, ngành, địa phương huy động thêm nguồn lực của các tổ chức quốc tế, các cơ sở dạy nghề, doanh nghiệp, cá nhân và cộng đồng để thực hiện Đề án. Các doanh nghiệp được trừ để tính thu nhập chịu thuế theo quy định của pháp luật đối với các khoản chi phí, hỗ trợ của doanh nghiệp cho dạy nghề.

Điều 3. Nguyên tắc phân bổ kinh phí

1. Hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy nghề cho các cơ sở dạy nghề cho lao động nông thôn theo quy định tại điểm 3 mục III, điểm 2 mục IV và tiết d điểm 1 mục V Điều 1 Quyết định số 1956/QĐ-TTg và Quyết định của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phê duyệt danh sách các cơ sở dạy nghề cho lao động nông thôn được lựa chọn đầu tư.

2. Phải có Dự án đầu tư xây dựng cơ sở vật chất hoặc kế hoạch mua sắm trang thiết bị dạy nghề được UBND cấp tỉnh hoặc cấp huyện phê duyệt cho các cơ sở dạy nghề cho lao động nông thôn thuộc địa phương quản lý.

3. Căn cứ vào tình hình thực hiện dạy nghề cho lao động nông thôn năm trước; nhiệm vụ năm kế hoạch theo các mục tiêu, nội dung của Đề án đã được UBND cấp tỉnh phê duyệt triển khai thực hiện Quyết định số 1956/QĐ-TTg phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách nhà nước.

4. Bộ trưởng, Thủ trưởng các Bộ, ngành ở Trung ương và Chủ tịch UBND cấp tỉnh căn cứ dự toán được giao quyết định mức phân bổ cụ thể cho các đơn vị theo nội dung, hoạt động phù hợp với mục tiêu chuyên môn do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn và theo quy định phân cấp của Luật Ngân sách nhà nước hiện hành.

5. UBND cấp tỉnh căn cứ vào chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch mạng lưới các cơ sở dạy nghề của tỉnh đến năm 2020 có trách nhiệm phê duyệt Đề án Đào tạo nghề cho lao động nông thôn của tỉnh, trong đó tập trung phát triển mạng lưới các trung tâm dạy nghề cấp huyện.

Điều 4. Quy định về quản lý, thanh toán kinh phí Đề án

1. Việc lập, phân bổ, giao dự toán, quản lý sử dụng, hạch toán và quyết toán kinh phí Đề án thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn Luật; quy chế quản lý, điều hành thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia ban hành theo Quyết định số 135/2009/QĐ-TTg ngày 04/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ và quy định tại mục II Thông tư liên tịch số 90/2008/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 16/10/2008 của liên Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí Dự án Tăng cường năng lực dạy nghề thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giáo dục - đào tạo đến năm 2010 (sau đây gọi là Thông tư số 90/2008/TTLT-BTC-BLĐTBXH). Kinh phí thực hiện Đề án được hạch toán theo Chương 0110, loại, khoản, mục và tiểu mục tương ứng và mã chương trình mục tiêu 0117- Dự án Tăng cường năng lực dạy nghề.

2. Căn cứ đơn xin học nghề của đối tượng là lao động nông thôn được hỗ trợ học nghề theo quy định tại tiết b điểm 7.1 khoản 7 Điều 6 của Thông tư này; căn cứ danh mục nghề đào tạo, kế hoạch dạy nghề, mức chi phí đào tạo cho từng nghề do UBND cấp tỉnh quy định và dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt; Cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội cấp tỉnh hoặc cấp huyện lựa chọn cơ sở dạy nghề cho lao động nông thôn có đủ điều kiện để ký hợp đồng đào tạo nghề và chuyển kinh phí hỗ trợ cho cơ sở đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo quy định.

3. Cơ sở dạy nghề cho lao động nông thôn có trách nhiệm thanh toán tiền ăn, tiền đi lại cho người học nghề là lao động nông thôn theo mức quy định tại điểm 1 mục III Điều 1 Quyết định số 1956/QĐ-TTg hoặc mức hỗ trợ bổ sung theo quyết định của địa phương (nếu có); quyết toán kinh phí hỗ trợ học nghề theo số lượng học viên và thời gian thực tế tham gia học nghề. Trường hợp người lao động tự ý nghỉ học, bỏ học, hoặc bị buộc thôi học thì không được trả tiền ăn trong thời gian nghỉ học, bỏ học, thôi học và tiền đi lại (lượt về).

4. Trường hợp người học nghề sử dụng thẻ học nghề để học nghề thì việc thanh toán cho cơ sở dạy nghề thực hiện theo các quy định về quản lý và sử dụng thẻ học nghề.

5. Kinh phí thực hiện Đề án cuối năm còn dư do chưa hoàn thành các nhiệm vụ và mục tiêu của Đề án được chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán theo quy định.

6. Các đơn vị trực tiếp sử dụng kinh phí của Đề án có trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng đối tượng và hiệu quả.

Điều 5. Các nội dung và mức chi chung có liên quan đến các hoạt động của Đề án

1. Các nội dung và mức chi chung có liên quan đến các hoạt động Đề án thực hiện theo quy định tại điểm 1 mục III Thông tư số 90/2008/TTLT-BTC-BLĐTBXH.

2. Chi hội nghị, tập huấn triển khai nhiệm vụ hoạt động của Đề án: nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 97/2010/TT-BTC ngày 06/7/2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 6. Nội dung và mức chi đặc thù cho từng hoạt động

1. Hoạt động tuyên truyền, tư vấn học nghề, việc làm đối với lao động nông thôn

a) Chi hoạt động tuyên truyền, tư vấn học nghề và việc làm đối với lao động nông thôn.

- Nội dung hoạt động tuyên truyền tư vấn thực hiện theo quy định tại tiết a điểm 1 mục V Điều 1 Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009.

- Mức chi đối với các nội dung, hoạt động trên thực hiện theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 101/2009/TT-BTC ngày 20/5/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm thực hiện các dự án, đề án thuộc Đề án "Hỗ trợ thanh niên học nghề và tạo việc làm giai đoạn 2008 - 2015".

b) Chi cho công tác xây dựng, biên soạn tài liệu để tổ chức bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng tuyên truyền, vận động đối với đội ngũ tuyên truyền viên là cán bộ của Hội nông dân.

- Biên soạn tài liệu: 50.000 đồng/trang chuẩn (350 từ)

- Sửa chữa, biên tập tổng thể: 30.000 đồng/trang chuẩn (350 từ)

- Thẩm định, nhận xét: 25.000 đồng/trang chuẩn (350 từ)

c) Tổ chức biểu dương, tôn vinh, khen thưởng đối với những tập thể, cá nhân có nhiều đóng góp cho công tác dạy nghề lao động nông thôn thực hiện theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các văn bản hiện hành hướng dẫn Luật Thi đua khen thưởng.

2. Hoạt động điều tra khảo sát và dự báo nhu cầu dạy nghề cho lao động nông thôn

- Nội dung điều tra, khảo sát và dự báo nhu cầu dạy nghề cho lao động nông thôn thực hiện theo quy định tại tiết (b) điểm (1) mục V Điều 1 Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009.

- Mức chi cho hoạt động điều tra, khảo sát thực hiện theo quy định tại Thông tư số 120/2007/TT-BTC ngày 15/10/2007 của Bộ Tài chính về hướng dẫn quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra từ nguồn vốn sự nghiệp của ngân sách nhà nước.

- Mức chi cho nội dung dự báo thực hiện theo quy định tại tiết b điểm 3 khoản 4 Phần II Thông tư số 44/2007/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 07/5/2007 của liên Bộ Tài chính - Bộ Khoa học và Công nghệ về hướng dẫn định mức xây dựng và phân bổ dự toán kinh phí đối với các đề tài, dự án khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước.

3. Hoạt động thí điểm các mô hình dạy nghề cho lao động nông thôn

a) Thí điểm mô hình dạy nghề cho 18.000 lao động nông thôn thuộc bốn (04) nhóm đối tượng nghề nghiệp, gồm:

- Nhóm lao động làm nông nghiệp (ở các vùng núi, vùng chuyên canh);

- Nhóm lao động trong các làng nghề ở vùng đồng bằng;

- Nhóm nông dân chuyển nghề sang công nghiệp, dịch vụ (ở vùng núi và vùng đồng bằng, trung du);

- Nhóm đánh bắt xa bờ ở các tỉnh duyên hải miền Trung (học sửa chữa máy tàu thủy, chế biến và bảo quản thủy sản...).

b) Việc lựa chọn mô hình, nội dung, địa điểm và thời gian tổ chức triển khai mô hình thí điểm do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quyết định phù hợp với kế hoạch và mục tiêu của Đề án;

c) Phương thức thực hiện mô hình thí điểm dạy nghề thông qua hợp đồng giữa cơ quan quản lý nhà nước về dạy nghề với cơ sở dạy nghề cho lao động nông thôn và các đơn vị có liên quan khác. Hợp đồng phải thể hiện rõ trách nhiệm của các bên trong quá trình triển khai thực hiện, thanh quyết toán kinh phí và các nội dung khác phù hợp với quy định của pháp luật. Tỷ lệ có việc làm sau khi học nghề theo các mô hình thí điểm tối thiểu đạt 80%;

d) Chi xây dựng, kiểm tra, giám sát, tổng kết đánh giá thực hiện mô hình thí điểm không quá 5% tổng số kinh phí thực hiện mô hình.

Mức chi cho từng hoạt động mô hình thí điểm thực hiện theo chế độ chi tiêu tài chính hiện hành. Đối với những hoạt động đặc thù chưa có nội dung chi, mức chi, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định cụ thể trong quyết định phê duyệt mô hình.

4. Hoạt động hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy nghề đối với các cơ sở dạy nghề công lập

a) Mức hỗ trợ từ ngân sách Trung ương để tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy nghề đối với các cơ sở dạy nghề công lập thực hiện theo quy định tại điểm 3, mục III, Điều 1 Quyết định số 1956/QĐ-TTg;

b) Trường hợp sử dụng nguồn vốn sự nghiệp để cải tạo, mở rộng, nâng cấp cơ sở vật chất theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì việc quản lý, sử dụng và quyết toán theo quy định hiện hành về quản lý, thanh toán vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước.

5. Hoạt động phát triển chương trình, giáo trình, học liệu và xây dựng danh mục thiết bị dạy nghề trình độ sơ cấp nghề và dạy nghề dưới 3 tháng.

5.1. Xây dựng chương trình, giáo trình dạy nghề trình độ sơ cấp nghề và dạy nghề dưới 3 tháng

a) Nội dung xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình, giáo trình dạy nghề trình độ sơ cấp và dạy nghề dưới 3 tháng thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

b) Nội dung chi và mức chi xây dựng chương trình dạy nghề trình độ sơ cấp nghề và dạy nghề dưới 3 tháng.

- Phân tích nghề, phân tích công việc để xây dựng chuẩn kiến thức kỹ năng đào tạo nghề:

+ Xin ý kiến chuyên gia góp ý sơ đồ phân tích nghề tối đa 200.000 đồng/ý kiến bằng văn bản (tối đa 7 ý kiến);

+ Biên soạn phiếu phân tích nghề từ 3 bước công việc trở xuống là 200.000 đồng/phiếu, từ 4 đến 5 bước công việc là 230.000 đồng/phiếu và từ 6 bước công việc trở lên là 250.000 đồng/phiếu;

+ Xin ý kiến chuyên gia bộ phiếu phân tích công việc tối đa là 500.000 đồng/ phiếu/ý kiến bằng văn bản (tối đa 7 ý kiến);

+ Nghiệm thu bộ phiếu phân tích nghề, phân tích công việc từ 3 bước công việc trở xuống là 170.000 đồng/phiếu, từ 4 đến 5 bước công việc là 190.000 đồng/phiếu và từ 6 bước công việc trở lên là 200.000 đồng/phiếu.

- Thiết kế chương trình dạy nghề được duyệt: 20.000 đồng/1 giờ;

- Biên soạn chương trình dạy nghề

+ Biên soạn chương trình dạy nghề: 60.000 đồng/1 giờ (bao gồm cả chi phí thuê chuyên gia tư vấn hướng dẫn, giám sát xây dựng chương trình: 10.000 đồng/1 giờ);

+ Sửa chữa, biên tập tổng thể chương trình: 35.000 đồng/1 giờ;

- Chi thẩm định, nhận xét đánh giá chương trình dạy nghề: 25.000 đồng/1 giờ;

- Chỉnh sửa, bổ sung chương trình dạy nghề: mức chi tối đa không quá 30% mức chi xây dựng mới chương trình dạy nghề quy định trên đây.

Số giờ chuẩn quy định cho từng nghề để tổ chức thiết kế, biên soạn, thẩm định chương trình dạy nghề cho từng nghề thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn xây dựng chương trình, giáo trình dạy nghề trình độ sơ cấp nghề và dạy nghề dưới 3 tháng.

c) Nội dung chi và mức chi biên soạn giáo trình dạy nghề trình độ sơ cấp nghề và dạy nghề dưới 3 tháng:

+ Viết giáo trình (bao gồm cả chi phí thuê chuyên gia tư vấn hướng dẫn giám sát): 50.000 đồng/trang chuẩn (350 từ);

+ Vẽ bản kỹ thuật, hình minh họa trong giáo trình từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng/bản (tùy thuộc vào mức độ phức tạp của bản vẽ và hình minh họa);

+ Sửa chữa, biên tập tổng thể: 30.000 đồng/trang chuẩn (350 từ).

+ Thẩm định, phản biện, nhận xét: 25.000 đồng/trang chuẩn (350 từ).

d) Chỉnh sửa, bổ sung giáo trình: mức chi tối đa không quá 45% mức chi xây dựng mới.

5.2. Xây dựng học liệu (tài liệu hướng dẫn, băng, đĩa hình...)

a) Chi xây dựng tài liệu hướng dẫn mức chi tối đa không quá 70% mức chi biên soạn giáo trình dạy nghề trình độ sơ cấp nghề và dạy nghề dưới 3 tháng tại điểm c mục 5.1 nêu trên;

b) Chi mua học liệu theo định mức quy định cụ thể của từng nghề và thực hiện mua sắm theo quy định hiện hành của Nhà nước về mua sắm hàng hóa, vật tư thiết bị và các văn bản liên quan.

5.3. Chi xây dựng danh mục thiết bị dạy nghề trình độ sơ cấp nghề và dạy nghề dưới 3 tháng: việc xây dựng danh mục thực hiện theo quy định tại Quyết định số 241/QĐ-LĐTBXH ngày 12/02/2010 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc ban hành quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành danh mục thiết bị dạy nghề cho từng nghề theo 3 trình độ đào tạo.

a) Nội dung và mức chi cho các hoạt động hội thảo, tập huấn; điều tra khảo sát; lấy ý kiến, xây dựng tài liệu báo cáo, tổng hợp, đề cương chi tiết để xây dựng danh mục thực hiện theo các văn bản quy định chế độ chi tiêu tài chính hiện hành;

b) Các nội dung và mức chi đặc thù cho việc xây dựng danh mục thiết bị nghề trình độ sơ cấp nghề và dạy nghề dưới 3 tháng được quy định tại Phụ lục đính kèm Thông tư này.

5.4. Các trường cao đẳng nghề, trung cấp nghề, trung tâm dạy nghề, trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp của các Bộ, ngành, tổ chức chính trị - xã hội, địa phương, doanh nghiệp và cơ sở ngoài công lập; trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm kỹ thuật tổng hợp hướng nghiệp, các viện nghiên cứu, trung tâm học tập cộng đồng, trung tâm khuyến nông, lâm, ngư, trang trại, nông trường, lâm trường, doanh nghiệp, hợp tác xã và các cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ... có đủ điều kiện dạy nghề cho lao động nông thôn được tham gia hoạt động xây dựng, biên soạn chương trình, giáo trình, học liệu dạy nghề cho lao động nông thôn theo điểm 5.1 và 5.2 nêu trên.

6. Hoạt động phát triển giáo viên, cán bộ quản lý dạy nghề

6.1. Các chính sách phát triển đối với đội ngũ giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý dạy nghề được thực hiện theo quy định tại điểm 2, mục III, Điều 1 Quyết định số 1956/QĐ-TTg.

6.2. Mức chi biên soạn chương trình, tài liệu bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm và kỹ năng nghề cho giáo viên dạy nghề dạy trình độ sơ cấp nghề và người dạy nghề (theo tiết e điểm 1 mục V Điều I Quyết định số 1956/QĐ-TTg) như sau:

a) Biên soạn chương trình.

- Biên soạn chương trình: 75.000 đồng/1 giờ

- Sửa chữa, biên tập tổng thể: 30.000 đồng/1 giờ

- Thẩm định chương trình: 20.000 đồng/1 giờ

b) Biên soạn tài liệu bồi dưỡng

- Chi biên soạn tài liệu bồi dưỡng: 40.000 đồng/trang chuẩn (350 từ)

- Chi sửa chữa, biên tập tổng thể: 25.000 đồng/trang chuẩn (350 từ)

- Chi thẩm định nhận xét đánh giá tài liệu bồi dưỡng: 20.000 đồng/trang chuẩn (350 từ)

c) Chỉnh sửa, bổ sung chương trình, tài liệu bồi dưỡng: mức chi tối đa không quá 30% mức chi xây dựng mới quy định trên.

Số giờ chuẩn quy định cho từng chương trình, tài liệu bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, kỹ năng nghề cho giáo viên dạy nghề trình độ sơ cấp nghề và người dạy nghề thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

6.3. Đào tạo nghiệp vụ sư phạm và kỹ năng nghề để bổ sung giáo viên dạy nghề cho các trung tâm dạy nghề mới thành lập và các trung tâm dạy nghề đã thành lập nhưng chưa đủ cơ số giáo viên cơ hữu; bồi dưỡng về nghiệp vụ quản lý và tư vấn chọn nghề, tìm và tự tạo việc làm cho lao động nông thôn: mức chi thực hiện theo quy định hiện hành về đào tạo bồi dưỡng cán bộ công chức. Trường hợp cơ quan triệu tập chịu trách nhiệm thanh toán công tác phí cho học viên từ nguồn kinh phí của Đề án, học viên không thanh toán tại đơn vị nơi cử đi.

7. Hoạt động hỗ trợ lao động nông thôn học nghề

7.1. Hỗ trợ học nghề trình độ sơ cấp nghề và dạy nghề dưới 3 tháng:

a) Hàng năm, UBND cấp tỉnh căn cứ vào số lượng, trình độ, thực trạng lao động nông thôn, yêu cầu về phát triển ngành nghề; nhu cầu sử dụng lao động qua đào tạo nghề của các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ trên địa bàn, kết quả điều tra, khảo sát và dự báo nhu cầu dạy nghề cho lao động nông thôn xây dựng kế hoạch đào tạo nghề trình độ sơ cấp nghề và dạy nghề dưới 3 tháng của địa phương mình và tổ chức triển khai thực hiện.

Riêng năm 2010, việc tổ chức dạy nghề cho lao động nông thôn từ nguồn kinh phí hỗ trợ theo chính sách của Quyết định số 1956/QĐ-TTg được thực hiện theo kế

hoạch dạy nghề năm 2010 đã được UBND cấp tỉnh phê duyệt. Sau khi có kết quả điều tra, khảo sát và dự báo nhu cầu dạy nghề cho lao động nông thôn của tỉnh thì thực hiện điều chỉnh kế hoạch dạy nghề năm 2010 cho phù hợp.

b) Đối tượng và điều kiện được hỗ trợ học nghề:

- Đối tượng:

+ Lao động nông thôn thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, hộ nghèo, người dân tộc thiểu số, người tàn tật, người bị thu hồi đất canh tác;

+ Lao động nông thôn thuộc diện hộ có thu nhập tối đa bằng 150% thu nhập của hộ nghèo;

+ Lao động nông thôn khác.

- Điều kiện người lao động được hỗ trợ học nghề: trong độ tuổi lao động (nữ từ 16 - 55 tuổi; nam từ 16 - 60 tuổi), có nhu cầu học nghề, có trình độ học vấn (riêng những người không biết đọc, viết có thể tham gia học những nghề phù hợp thông qua hình thức kèm cặp, truyền nghề...) và sức khỏe phù hợp với ngành nghề cần học.

c) Xác định đối tượng được hỗ trợ học nghề:

- Lao động nông thôn thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng được xác định theo quy định tại Thông tư số 16/2006/TTLT-BLĐTBXH-BGĐT-BTC ngày 20/11/2006 của liên Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Tài chính hướng dẫn về chế độ ưu đãi trong giáo dục và đào tạo đối với người có công với cách mạng và con của họ.

- Hộ nghèo, hộ có thu nhập tối đa bằng 150% thu nhập của hộ nghèo được xác định theo quy định tại Thông tư số 27/2007/TT-BLĐTBXH ngày 30/11/2007 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn quy trình xác nhận đối tượng được vay vốn theo Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg ngày 27/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với học sinh, sinh viên.

- Người tàn tật được xác định theo quy định tại mục I Thông tư liên tịch số 19/2005/TTLT-BLĐTBXH-BTC-BKHĐT ngày 19/5/2005 của liên Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Bộ Tài chính - Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thi hành Nghị định số 81/CP ngày 23/11/1995 và Nghị định số 116/2004/NĐ-CP ngày 23/4/2004 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ Luật lao động về lao động là người tàn tật.

- Người bị thu hồi đất canh tác được xác định theo quy định tại Điều 16 của Thông tư số 14/2009/TT-BTNMT ngày 01/10/2009 của Bộ Tài nguyên - Môi trường

quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và trình tự, thủ tục thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất và Điều 29 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất và mục 3 Điều 22 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

d) Mức chi phí đào tạo cho từng nghề

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan xây dựng và trình UBND tỉnh phê duyệt mức chi phí đào tạo cho từng nghề trong danh mục nghề đào tạo phù hợp với chương trình đào tạo, thời gian đào tạo và điều kiện thực tế của địa phương.

- Chi phí đào tạo cho từng nghề bao gồm:

+ Tuyển sinh, khai giảng, bế giảng, cấp chứng chỉ nghề;

+ Chi mua tài liệu, giáo trình, học liệu học nghề;

+ Thù lao giáo viên, người dạy nghề;

+ Phụ cấp lưu động cho giáo viên, cán bộ quản lý dạy nghề thường xuyên phải xuống thôn, bản, phum, sóc thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn để dạy nghề từ 15 ngày trở lên trong tháng. Mức phụ cấp là 0,2 lần so với mức lương tối thiểu chung như đối với giáo viên thực hiện công tác xóa mù chữ, phổ cập giáo dục thường xuyên phải xuống thôn, bản, phum, sóc.

+ Hỗ trợ nguyên, nhiên, vật liệu học nghề;

+ Thuê lớp học, thuê thiết bị dạy nghề chuyên dụng (nếu có);

+ Thuê phương tiện vận chuyển thiết bị dạy nghề đối với trường hợp dạy nghề lưu động;

+ Trích khấu hao tài sản cố định phục vụ lớp học;

+ Chỉnh sửa, biên soạn lại chương trình, giáo trình (nếu có);

+ Chi cho công tác quản lý lớp học không quá 5% tổng số kinh phí cho lớp đào tạo.

đ) Mức hỗ trợ học nghề trình độ sơ cấp nghề và dạy nghề dưới 3 tháng cho lao động nông thôn

- Căn cứ vào mức chi phí đào tạo của từng nghề được UBND tỉnh phê duyệt và thời gian học nghề thực tế; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với Sở Tài chính xác định mức hỗ trợ chi phí học nghề trình độ sơ cấp nghề và dạy nghề

dưới 3 tháng cho từng đối tượng nhưng tối đa không quá mức hỗ trợ cho từng nhóm đối tượng quy định tại điểm 1 mục III Điều 1 Quyết định số 1956/QĐ-TTg.

- Đối với những nghề có chi phí đào tạo thực tế lớn hơn mức hỗ trợ tối đa quy định tại Quyết định số 1956/QĐ-TTg: các địa phương chủ động xây dựng phương án huy động thêm nguồn kinh phí bổ sung từ học phí do người học đóng góp, hỗ trợ từ ngân sách địa phương và nguồn huy động khác để bảo đảm chi phí đào tạo cho cơ sở dạy nghề.

e) Thời gian học nghề được quy định trong chương trình dạy nghề. Địa điểm, tiến độ đào tạo thực tế có thể thực hiện linh hoạt phù hợp với nghề đào tạo, đặc điểm của quy trình sinh trưởng của cây trồng, vật nuôi và đặc điểm của từng vùng, địa phương;

g) Quy mô của một lớp học tối đa không quá 35 học viên/01 lớp;

h) Mỗi lao động nông thôn chỉ được hỗ trợ học nghề một lần theo chính sách của Đề án này. Những người đã được hỗ trợ học nghề theo các chính sách khác của Nhà nước không được hỗ trợ học nghề theo chính sách của Đề án này. Riêng những người đã được hỗ trợ học nghề nhưng bị mất việc làm do nguyên nhân khách quan thì UBND cấp tỉnh xem xét, quyết định tiếp tục hỗ trợ học nghề để chuyển đổi việc làm theo chính sách của Đề án này nhưng tối đa không quá 03 lần.

7.2. Đặt hàng dạy nghề cho lao động nông thôn thuộc diện hộ nghèo, người dân tộc thiểu số, lao động nông thôn bị thu hồi đất canh tác có khó khăn về kinh tế.

a) Việc đặt hàng dạy nghề thực hiện thông qua hợp đồng đặt hàng với các cơ sở tham gia dạy nghề cho lao động nông thôn theo quy định tại Quyết định số 39/2008/QĐ-TTg ngày 14/3/2008 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy chế đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước và Thông tư số 105/2008/TT-BTC ngày 13/11/2008 của Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn một số điều của Quyết định số 39/2008/QĐ-TTg;

b) Đối với hợp đồng đặt hàng do Bộ, ngành Trung ương thực hiện:

Căn cứ vào kế hoạch, Đề án đã được phê duyệt; các Bộ, ngành liên quan xác định đối tượng là lao động nông thôn thuộc ngành, lĩnh vực quản lý để xác định chỉ tiêu đặt hàng dạy nghề hàng năm.

Đơn giá đặt hàng dạy nghề do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ (cơ quan được phân bổ dự toán ngân sách để thực hiện nhiệm vụ đặt hàng dạy nghề) quy định sau khi có ý kiến bằng văn bản của Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và phải được xác định trên cơ sở các định mức kinh tế kỹ thuật; định mức

chi phí hiện hành do cơ quan có thẩm quyền ban hành; thời gian triển khai, hoàn thành; khối lượng, chất lượng dạy nghề.

Riêng năm 2010, đơn giá đặt hàng dạy nghề trình độ cao đẳng, trung cấp thực hiện theo đơn giá Nhà nước đặt hàng dạy nghề năm 2008 theo quy định tại Công văn số 14759/BTC-QLG ngày 05/12/2008 của Bộ Tài chính; trình độ sơ cấp nghề và dạy nghề dưới 3 tháng thực hiện theo mức tối đa là 3.000.000 đồng/người/khóa học theo quy định tại điểm 1 mục III Điều 1 Quyết định số 1956/QĐ-TTg. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội căn cứ đơn giá tối đa và tính chất đặc thù của từng loại nghề, trình độ đào tạo, quy định đơn giá đặt hàng dạy nghề cụ thể cho từng nghề theo quy định hiện hành nhưng bảo đảm không vượt quá mức đơn giá tối đa và dự toán ngân sách được giao.

c) Đối với hợp đồng đặt hàng do địa phương thực hiện:

Căn cứ vào Đề án được UBND cấp tỉnh phê duyệt, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội xác định đối tượng là lao động nông thôn có nhu cầu đào tạo nghề để xác định chỉ tiêu đặt hàng dạy nghề hàng năm trình UBND cấp tỉnh phê duyệt kế hoạch đặt hàng dạy nghề. Mức chi phí đặt hàng đào tạo cho từng nghề do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quy định phù hợp với tình hình thực tế của địa phương nhưng tối đa không quá mức quy định tại tiết b điểm 7.2 nêu trên.

7.3. Lao động nông thôn là người dân tộc thiểu số thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng; hộ nghèo và hộ có thu nhập tối đa bằng 150% thu nhập của hộ nghèo theo học các khóa học trình độ trung cấp nghề, cao đẳng nghề được hưởng chính sách dạy nghề đối với học sinh dân tộc thiểu số nội trú theo Quyết định số 267/2005/QĐ-TTg ngày 31/10/2005 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách dạy nghề đối với học sinh dân tộc thiểu số nội trú.

7.4. Lao động nông thôn được vay tiền để học nghề theo quy định tại Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg ngày 27/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với học sinh, sinh viên; trường hợp sau khi học nghề và về làm việc ổn định ở nông thôn được ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% lãi suất đối với khoản vay để học nghề theo hướng dẫn của Ngân hàng Chính sách Xã hội.

8. Hoạt động giám sát, đánh giá tình hình thực hiện Đề án

a) Nội dung các hoạt động giám sát, đánh giá tình hình thực hiện Đề án theo quy định tại tiết h điểm 1, mục V, Điều I Quyết định số 1956/QĐ-TTg;

b) Mức chi tổng hợp số liệu, viết báo cáo, phân tích, đánh giá tình hình thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nội dung Đề án; tình hình quản lý và sử dụng ngân sách của

Đề án: mức chi đối với cấp trung ương là 500.000 đồng/báo cáo; đối với cấp tỉnh là 300.000 đồng/báo cáo; đối với cấp huyện là 200.000 đồng/báo cáo; đối với cấp xã là 100.000 đồng/báo cáo;

c) Chi cập nhật số liệu nhằm thiết lập phương pháp thu thập và xử lý thông tin, xây dựng phần mềm quản lý Đề án được áp dụng theo quy định tại Thông tư số 137/2007/TT-BTC ngày 28/11/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn mức chi tạo lập thông tin điện tử;

d) Căn cứ vào quy định chế độ chi tiêu hiện hành, các Bộ, ngành, cơ quan trung ương và UBND cấp tỉnh quyết định mức hỗ trợ cụ thể kinh phí hoạt động giám sát, đánh giá cho cơ quan, đơn vị thực hiện phù hợp với nhiệm vụ được giao;

đ) Các cơ quan, đơn vị có sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước để thực hiện các chính sách, hoạt động của Đề án được sử dụng nguồn kinh phí giám sát, đánh giá để chi cho công tác kiểm toán theo quy định hiện hành.

Điều 7. Điều khoản thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày, kể từ ngày ký. Các chính sách quy định tại Thông tư này thực hiện từ ngày 27/11/2009 kể từ khi Quyết định số 1956/QĐ-TTg có hiệu lực thi hành. Thông tư này thay thế Thông tư liên tịch số 06/2006/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 19/01/2006 của liên Bộ Tài chính - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ dạy nghề ngắn hạn cho lao động nông thôn.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về liên Bộ để nghiên cứu, giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG **BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH** **VÀ XÃ HỘI** **THỨ TRƯỞNG**	**KT. BỘ TRƯỞNG** **BỘ TÀI CHÍNH** **THỨ TRƯỞNG**
Đàm Hữu Đắc	**Phạm Sỹ Danh**

Phụ lục

MỨC CHI XÂY DỰNG DANH MỤC THIẾT BỊ DẠY NGHỀ TRÌNH ĐỘ SƠ CẤP NGHỀ VÀ DẠY NGHỀ DƯỚI 3 THÁNG

(Kèm theo Thông tư liên tịch số 112/2010/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 30 tháng 7 năm 2010 của Liên Bộ Tài chính - Lao động - Thương binh và Xã hội)

STT	Nội dung chi	Mức chi cho 01 mô đun, môn học theo số lượng thiết bị trong từng mô đun, môn học *(đơn vị tính: 1.000 đồng)*		
		Số lượng thiết bị trong một mô đun, môn học < 10	**Số lượng thiết bị trong một mô đun, môn học ≥ 10 và < 20**	**Số lượng thiết bị trong một mô đun, môn học ≥ 20**
1	Rà soát lại và hoàn thiện các đề xuất về dụng cụ và trang thiết bị đã nêu trong chương trình đào tạo	50	100	150
2	Xác định danh mục thiết bị dạy nghề theo từng môn học, mô-đun	150	200	250
3	Xác định yêu cầu sư phạm cho từng thiết bị trong từng môn học, mô-đun	250	300	400
4	Xác định yêu cầu kỹ thuật cơ bản của từng thiết bị trong từng môn học, mô-đun	350	500	600
5	Xác định số lượng thiết bị tối thiểu cho từng thiết bị trong từng môn học, mô-đun	400	500	600
6	Tổng hợp danh mục thiết bị tối thiểu cho các môn học, mô-đun bao gồm:			

STT	Nội dung chi	Mức chi cho 01 mô đun, môn học theo số lượng thiết bị trong từng mô đun, môn học *(đơn vị tính: 1.000 đồng)*		
		Số lượng thiết bị trong một mô đun, môn học < 10	**Số lượng thiết bị trong một mô đun, môn học ≥ 10 và < 20**	**Số lượng thiết bị trong một mô đun, môn học ≥ 20**
6.1	*Chuẩn tên gọi (chủng loại) thiết bị*	*50*	*50*	*50*
6.2	*Xác định số lượng tối thiểu cho tất cả các môn học, mô-đun*	*400*	*400*	*400*
6.3	*Xác định yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị (đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của tất cả môn học, mô-đun)*	*800*	*800*	*800*
7	Biên soạn danh mục thiết bị dạy nghề	200	200	200
8	Sửa chữa biên tập tổng thể	200	200	200